

Vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong việc phát huy sức mạnh của nhân dân trong kỷ nguyên vươn mình hiện nay

Phạm Đình Khuê*

Nhận ngày 18 tháng 3 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 6 năm 2025.

Tóm tắt: Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một nội dung cốt lõi trong di sản tư tưởng chính trị của Người, phản ánh sâu sắc triết lý “lấy dân làm gốc” và quan điểm dân chủ cách mạng. Bài viết tập trung luận giải nội hàm tư tưởng “thân dân” dưới góc độ lý luận và làm rõ giá trị định hướng của tư tưởng này trong việc phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân - chủ thể trung tâm của mọi tiến trình phát triển. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích bối cảnh “kỷ nguyên vươn mình” mà Việt Nam đang bước vào - gắn với chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững - để chỉ ra những yêu cầu mới trong vận dụng tư tưởng “thân dân”. Việc thể chế hóa và hiện thực hóa tư tưởng này không chỉ là điều kiện bảo đảm cho dân chủ thực chất, mà còn là động lực nội sinh để khơi dậy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng một nhà nước kiến tạo, gần dân, vì dân.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, thân dân, sức mạnh nhân dân, dân chủ, kỷ nguyên vươn mình.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Hồ Chí Minh's philosophy of thân dân (“being close to the people”) is a core element of his political thought, deeply reflecting the principle of “putting the people at the center” (lit. “taking people/grassroots as the roots/foundation”) and a revolutionary democratic vision. This article explores the theoretical foundations of the thân dân ideology and clarifies its guiding value in promoting the role and strength of the people - who are the central actors in all development processes. On that basis, the article analyzes the context of “the era of the nation's rise” that Vietnam is entering, which is linked with digital transformation, international integration, and the objective of sustainable development to point out the new requirements for applying the thân dân philosophy. The institutionalization and realization of this ideology is not only essential for ensuring substantive democracy, but also serves as an internal driving force to unlock the great unity of the entire nation in building a government that is facilitating, close to the people, and for the people.

Keywords: Hồ Chí Minh, being close to the people, people's power, democracy, era of the nation's rise.

Subject classification: Philosophy

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, quần chúng nhân dân luôn giữ vai trò trung tâm, là chủ thể kiến tạo và bảo vệ thành quả cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã khẳng định nhất quán nguyên lý “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, trong đó nổi bật là tư tưởng “thân dân” - một quan điểm mang tính triết học, đạo đức và chính trị sâu sắc, thể hiện mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Tư tưởng đó không chỉ là kim chỉ nam trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, mà còn là nền tảng để xây dựng một Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

* Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.
Email: khuemd@hau.edu.vn

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước bước vào “kỷ nguyên vươn mình” - thời kỳ phát triển mới gắn với chuyển đổi số, hội nhập toàn diện, đổi mới sáng tạo và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại - vai trò của nhân dân lại càng được đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết. Việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công cuộc phát triển nhanh và bền vững đòi hỏi sự kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, nhằm nâng cao niềm tin xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm dân chủ thực chất và hiệu quả quản trị quốc gia.

Tuy nhiên, trong thực tiễn hiện nay, vẫn tồn tại không ít biểu hiện xa dân, hành chính hóa dân chủ, hoặc phi chính trị hóa mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải trở lại với những giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng “thân dân”, như một phương thức khơi dậy nguồn lực xã hội to lớn từ nhân dân - động lực nội sinh cho phát triển quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Xuất phát từ đó, bài viết tập trung làm rõ nội hàm tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh, phân tích giá trị lý luận của tư tưởng này dưới góc nhìn triết học - chính trị, đồng thời khẳng định tính thời sự và khả năng vận dụng của nó trong điều kiện phát triển mới của Việt Nam hiện nay.

2. Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh - nội hàm và giá trị lý luận

2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng “thân dân”

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không hình thành một cách ngẫu nhiên, mà là kết quả của sự kết tinh giữa truyền thống văn hóa - chính trị phương Đông, tinh thần dân tộc Việt Nam, tinh hoa tư tưởng nhân loại và trải nghiệm cách mạng thực tiễn sâu sắc. Truyền thống “dân vi bản” của Nho giáo và quan điểm “dựng nước lấy dân làm gốc” đã ảnh hưởng sâu đậm đến nhận thức của Người. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không dừng lại ở tư duy quân chủ về “yêu dân”, mà nâng tầm thành quan niệm cách mạng về một mối quan hệ hai chiều, tương tác tích cực giữa người lãnh đạo và quần chúng. Người khẳng định: “Phải dựa vào dân, gần dân, gắn bó với dân, học dân, lắng nghe dân và trung thành với lợi ích của nhân dân” (Đỗ Thị Hồng Thu, 2008: 70).

Trên nền tảng đó, Hồ Chí Minh tiếp thu và phát triển sáng tạo học thuyết Mác - Lê-nin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Tư tưởng “thân dân” không chỉ là biểu hiện của tình cảm đạo đức cách mạng, mà là một nguyên lý tổ chức mang tính lý luận sâu sắc. Quan điểm “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải là sự nghiệp của cá nhân anh hùng nào... Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2011: 672) là minh chứng rõ ràng cho điều đó.

Ngoài ra, tư tưởng “thân dân” còn phản ánh sự hấp thụ có chọn lọc các trào lưu tư tưởng tiến bộ trên thế giới, đặc biệt là các quan điểm dân chủ, nhân đạo và nhân quyền phương Tây. Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến mục tiêu giành độc lập dân tộc, mà còn đặt trọng tâm vào giải phóng con người, mang lại tự do, công bằng và hạnh phúc thực chất cho nhân dân. Như Geetesh Sharman nhận xét: “Hồ Chí Minh... luôn nhấn mạnh đến độc lập và phúc lợi của Nhân dân... mong ước mang đến sự công bằng, bình đẳng và no ấm cho nhân dân mình” (Geetesh Sharman, 2010:19).

Đặc biệt, tư tưởng “thân dân” được hình thành vững chắc từ thực tiễn hoạt động cách mạng. Sự gắn bó sâu sắc với nhân dân trong suốt hành trình từ Pác Bó, Cao Bằng, Việt Bắc đến Hà Nội, lối sống giản dị, phương pháp lãnh đạo gần dân, sâu sát cơ sở của Người là những biểu hiện sinh động của tư tưởng này. Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Giữ gìn trật tự,

an ninh càng phải dựa vào sáng kiến và lực lượng của nhân dân” (Tô Lâm, 2017: 42). Trong Di chúc thiêng liêng, Người để lại thông điệp cảm động và nhất quán: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân... chỉ tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa” (Hồ Chí Minh, 2011: 615).

Với chiều sâu lịch sử, giá trị triết học - chính trị và thực tiễn rõ rệt, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là biểu hiện tiêu biểu cho sự thống nhất biện chứng giữa văn hóa dân tộc, lý luận cách mạng và đạo lý phụng sự con người - một di sản tư tưởng mang tính chỉ đạo lâu dài đối với mô hình nhà nước vì dân ở Việt Nam.

2.2. Nội hàm tư tưởng “thân dân”

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một cấu trúc tư tưởng nhất quán, trong đó thể hiện đầy đủ sự gắn kết biện chứng giữa lý luận chính trị - triết học, đạo đức cách mạng và phương pháp lãnh đạo cách mạng. Đây không chỉ là quan niệm về mối quan hệ giữa người cầm quyền với nhân dân, mà còn là nguyên lý tổ chức và vận hành quyền lực trong một nhà nước kiểu mới - nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Trước hết, nội hàm tư tưởng “thân dân” thể hiện ở thái độ gần dân, sống trong dân, hòa mình vào đời sống của nhân dân để hiểu được thực tiễn, nguyện vọng và lợi ích chân chính của họ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng cán bộ phải “đi sát dân, ở gần dân” và “thực sự gần dân, hiểu dân, sống như dân thì mới thực sự là người lãnh đạo của dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 43).

Trên cơ sở gần dân, tư tưởng “thân dân” khẳng định sâu sắc vai trò chủ thể của nhân dân trong tiến trình cách mạng. Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là người tham gia xây dựng, phản biện và giám sát quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh cho rằng: “Dân chúng rất thông minh. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân, rồi dựa vào sáng kiến của dân mà làm cho thiết thực” (Phan Mạnh Toàn, 2019: 51). Tư tưởng này thể hiện một nguyên lý dân chủ thực chất, trong đó ý chí và trí tuệ của nhân dân là căn cứ cho mọi hoạt động quản trị quốc gia.

Đặc biệt, tư tưởng “thân dân” còn thể hiện sự tôn trọng tuyệt đối đối với quyền làm chủ và phẩm giá của con người. Hồ Chí Minh xem “dân là gốc”, khẳng định “nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ” (Bùi Đình Phong, 2015: 46). Từ đây, “trọng dân” và “học dân” trở thành chuẩn mực của đạo đức chính trị, là tiêu chí để xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự vì dân, phục vụ dân.

Ở cấp độ cao nhất, tư tưởng “thân dân” kết tinh thành nguyên lý hành động của người cách mạng: sống vì dân, làm việc cho dân, coi hạnh phúc của nhân dân là lẽ sống. Tư tưởng đó được thể hiện nhất quán trong Di chúc: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân...” (Hồ Chí Minh, 2011: 615). Tư tưởng “phục vụ nhân dân” ở đây không dừng lại ở đạo đức cá nhân, mà là nguyên lý lãnh đạo cách mạng, là thước đo phẩm chất của người cán bộ.

Như vậy, nội hàm của tư tưởng “thân dân” bao gồm cả nhận thức chính trị, nguyên tắc tổ chức quyền lực, phẩm chất đạo đức và phương pháp hành động. Đây là hệ giá trị nền tảng, không chỉ xác lập bản chất cách mạng của nhà nước Việt Nam, mà còn định hướng cho toàn bộ quá trình cải cách thể chế và phát triển mô hình nhà nước dân chủ trong thời đại mới.

2.3. Tư tưởng “thân dân” - nền tảng lý luận cho mô hình nhà nước vì dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “thân dân” không chỉ là một phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng mà còn là nền tảng lý luận cho việc xây dựng một mô hình nhà nước kiểu mới - nhà nước của dân, do dân và vì dân. Tư tưởng này góp phần định hình một mô hình quyền lực chính trị mà ở đó, nhân dân giữ vị trí trung tâm, là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước.

Trên cơ sở “lấy dân làm gốc”, Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân làm chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 45). Khác với mô hình nhà nước chuyên quyền hoặc áp đặt hành chính từ trên xuống, tư tưởng “thân dân” nhấn mạnh vai trò ủy quyền của nhân dân đối với bộ máy công quyền, đồng thời đòi hỏi sự phục vụ trở lại của nhà nước đối với nhân dân - tức là thiết lập quan hệ hai chiều, có trách nhiệm và bình đẳng giữa người cầm quyền và người giao quyền.

Trên nền tảng đó, nhà nước không được hiểu là thực thể độc lập, đứng trên xã hội, mà là thiết chế do nhân dân tổ chức ra để phục vụ lợi ích của chính họ. Hồ Chí Minh xác định: “Chính phủ là đầy tớ của dân”, và cán bộ phải là “người đầy tớ trung thành của nhân dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 47). Quan điểm này góp phần làm sáng tỏ tính chất dân chủ thực chất của nhà nước cách mạng, phân biệt rõ với hình thức dân chủ hình thức, hình thức hóa quyền lực nhân dân trong các mô hình cũ.

Tư tưởng “thân dân” đồng thời cũng xác lập cơ sở đạo lý - chính trị cho việc xây dựng thể chế dân chủ. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ không chỉ là một thiết chế pháp lý mà là nguyên lý vận hành của toàn bộ bộ máy nhà nước: “Dân chủ là để làm sao cho dân được mở miệng ra, nói ý kiến của mình, làm chủ tập thể” (Bùi Đình Phong, 2015: 45). Như vậy, dân chủ trong tư tưởng “thân dân” không dừng lại ở quyền bầu cử, mà bao hàm cả quyền được lắng nghe, phản biện và kiểm soát quyền lực - một quan niệm tiên bộ vượt trước thời đại.

Từ góc nhìn học thuật, có thể thấy rằng tư tưởng “thân dân” đã kiến tạo nên một mô hình quyền lực xã hội chủ nghĩa đặc sắc - nơi mà sự chính đáng của quyền lực nhà nước không chỉ đến từ pháp luật, mà còn từ đạo lý và sự tín nhiệm của nhân dân. Mô hình nhà nước vì dân, do tư tưởng Hồ Chí Minh định hướng, vì vậy mang tính chất kép: vừa là thiết chế chính trị, vừa là không gian đạo đức - nhân văn, nơi quyền lực được vận hành trong khuôn khổ phụng sự và trách nhiệm xã hội.

2.4. Giá trị triết học - chính trị của tư tưởng “thân dân”

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là sự kết tinh giữa chủ nghĩa nhân văn truyền thống và tư duy chính trị cách mạng, mang trong mình những giá trị triết học và chính trị sâu sắc. Đây không chỉ là biểu hiện đạo đức cá nhân của một lãnh tụ mà còn là hệ tư tưởng chỉ đạo cách mạng, phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan tiên bộ về vai trò trung tâm của nhân dân trong lịch sử.

Xét về phương diện triết học, tư tưởng “thân dân” thể hiện quan niệm duy vật lịch sử về con người như chủ thể của mọi biến đổi xã hội. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân không chỉ là lực lượng vật chất của cách mạng, mà còn là chủ thể tư tưởng và sáng tạo: “Dân chúng rất thông minh. Việc gì cũng hỏi ý kiến dân, rồi dựa vào sáng kiến của dân mà làm cho thiết thực” (Phan Mạnh Toàn, 2019: 51). Quan niệm này nhất quán với nguyên lý triết học Mác - Lê-nin về tính sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân, đồng thời khẳng định chiều sâu nhân học của một hệ tư tưởng chính trị tiên bộ.

Tư tưởng “thân dân” cũng mang giá trị chính trị to lớn trong việc định hình bản chất của quyền lực nhà nước. Khác với tư tưởng phong kiến, trong đó quyền lực là thiên mệnh hoặc đặc quyền giai cấp, tư tưởng Hồ Chí Minh xác lập rõ quyền lực chính trị là sự ủy quyền có điều kiện của nhân dân, và chỉ chính đáng khi phục vụ lợi ích của nhân dân. Người viết: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 45). Như vậy, tư tưởng “thân dân” là cơ sở hình thành mô hình quyền lực chính trị mang tính đạo đức, được giới hạn và định hướng bởi trách nhiệm phục vụ.

Một khía cạnh khác cho thấy chiều sâu triết học - chính trị của tư tưởng “thân dân” chính là việc Hồ Chí Minh gắn quyền lực với nghĩa vụ, gắn lãnh đạo với phục vụ, và gắn hành động cách mạng với chuẩn mực đạo đức. Trong tư tưởng của Người, sự tha hóa quyền lực không bắt đầu từ pháp luật, mà từ sự xa dân, coi thường dân, phản bội lại lợi ích của nhân dân. Vì vậy, “thân dân” không chỉ là biện pháp chính trị mà còn là phòng tuyến đạo đức để ngăn chặn sự tha hóa của quyền lực nhà nước.

Tư tưởng này, do đó, không chỉ mang giá trị lý luận trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, mà còn có khả năng gợi mở các mô hình quản trị dân chủ hiện đại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và khủng hoảng niềm tin vào các thiết chế công quyền, việc khôi phục mối quan hệ nhà nước - nhân dân dựa trên nền tảng “thân dân” có ý nghĩa như một chiến lược tái tạo tính chính đáng, củng cố đạo lý của quyền lực và khơi dậy nguồn lực xã hội phục vụ phát triển.

2.5. Tư tưởng “thân dân” - tiêu chuẩn đạo đức công vụ

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “thân dân” không chỉ là nguyên lý tổ chức quyền lực nhà nước, mà còn là tiêu chuẩn cốt lõi của đạo đức công vụ, phản ánh yêu cầu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và thái độ phục vụ của người cán bộ đối với nhân dân. Tư tưởng này định vị rõ ràng rằng, phẩm chất đạo đức của cán bộ không thể tách rời khỏi mối quan hệ với nhân dân - gắn bó với dân là thước đo của sự chính danh và năng lực thực tiễn trong thi hành công vụ.

Theo Hồ Chí Minh, cán bộ, công chức phải coi việc phục vụ nhân dân là lẽ sống: “Cán bộ là công bộc của dân, phải có trách nhiệm trước dân, vì dân mà làm việc” (Bùi Đình Phong, 2015: 47). Phục vụ ở đây không mang tính hình thức hay khẩu hiệu, mà là sự dấn thân toàn diện, thể hiện trong từng hành động cụ thể, từ thái độ ứng xử, tinh thần trách nhiệm đến kết quả thực tế. Cán bộ phải biết gần dân, hiểu dân, học dân, trọng dân và có trách nhiệm với dân. Tư tưởng này thiết lập một bộ chuẩn đạo đức công vụ mang tính cách mạng, trong đó đạo đức không chỉ là tư cách cá nhân mà là chuẩn mực công lý và hiệu năng của nền hành chính.

Hồ Chí Minh luôn cảnh báo nguy cơ từ quan liêu, xa dân, hách dịch, coi đó là biểu hiện của sự tha hóa quyền lực và mầm mống làm suy yếu niềm tin xã hội. Người nhấn mạnh: “Tình trạng cán bộ, đảng viên quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, xa rời quần chúng làm cho nhân dân không tin tưởng, xa lánh Đảng, là điều hết sức nguy hiểm” (Bùi Đình Phong, 2015: 46). Trong bối cảnh hiện nay, tư tưởng “thân dân” vì vậy cần được xem là hàng rào đạo đức để phòng ngừa sự lệch chuẩn trong thực thi công vụ, nhất là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng “thân dân” cũng gắn bó mật thiết với tư duy nêu gương trong xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Người nhấn mạnh rằng muốn nhân dân tin, thì cán bộ trước hết phải làm gương: “Muốn dân tin, dân phục thì cán bộ, đảng viên phải thực sự gần dân, hiểu dân, sống như dân thì mới thực sự là người lãnh đạo của dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 43). Việc nêu gương không thể tách rời khỏi sự hòa mình vào đời sống của nhân dân, hiểu được nhu cầu thực tế của dân, từ đó nâng cao năng lực hoạch định và thực thi chính sách đúng hướng.

Trong điều kiện hiện đại hóa quản trị quốc gia hiện nay, tư tưởng “thân dân” cần được tích hợp vào hệ thống đánh giá cán bộ, cải cách hành chính và giáo dục công vụ. Đây không chỉ là vấn đề lý luận hay đạo đức chính trị, mà còn là yếu tố quyết định hiệu quả vận hành của bộ máy nhà nước và mức độ tín nhiệm của nhân dân đối với thể chế. Do đó, tư tưởng “thân dân” cần được nhìn nhận không chỉ như một giá trị lịch sử, mà như một chuẩn mực bền vững của văn hóa công quyền trong xã hội dân chủ hiện đại.

3. Tư tưởng “thân dân” trong bối cảnh “kỷ nguyên vươn mình” - giá trị vận dụng và định hướng thực tiễn

3.1. Đặc điểm của bối cảnh “kỷ nguyên vươn mình” ở Việt Nam hiện nay

Trong tiến trình phát triển hiện đại, Việt Nam đang bước vào một giai đoạn chuyển mình chiến lược - giai đoạn mà Đảng xác định là “kỷ nguyên vươn mình”, với đặc trưng là sự hội tụ của các động lực tăng trưởng mới, các yêu cầu cải cách sâu rộng về thể chế và chuyển đổi mô hình quản trị quốc gia. Thực chất, đây là thời kỳ đất nước thoát ra khỏi mô hình phát triển dựa vào chiều rộng, tiến tới phát triển bền vững, tự chủ, sáng tạo và lấy con người làm trung tâm. Trong bối cảnh đó, vị trí, vai trò của nhân dân càng được đề cao như một yếu tố nội sinh quyết định thành bại của mọi tiến trình đổi mới.

Một đặc điểm nổi bật của thời kỳ này là sự chuyển dịch mạnh mẽ trong nhận thức và tư duy lãnh đạo về quản trị quốc gia theo hướng “kiến tạo và phục vụ”, thay thế cho mô hình hành chính cứng nhắc, quản lý từ trên xuống. Trọng tâm của cải cách không chỉ dừng ở kinh tế, mà mở rộng sang các trụ cột thể chế, tổ chức bộ máy, pháp luật, công vụ và đạo đức cán bộ. Tư tưởng “lấy dân làm gốc”, gần dân, trọng dân - được Hồ Chí Minh khẳng định như một nguyên lý cốt lõi - ngày càng trở nên có tính thời sự, bởi không thể có một nền hành chính hiện đại nếu xa rời nhân dân, không dựa vào nhân dân.

Đặc biệt, từ năm 2017, việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã tạo ra bước chuyển mang tính đột phá. Nghị quyết yêu cầu rõ: rà soát, sắp xếp, tinh gọn các đầu mối trung gian, nhất là cấp sở, phòng, ban; giảm cấp trung gian, xóa bỏ những tổ chức hoạt động kém hiệu quả; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước, cung ứng dịch vụ và giám sát xã hội. Tiếp đó, Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/2/2025) và Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/2/2025 của Bộ Chính trị và Ban Bí thư tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng bộ máy hành chính các cấp tinh gọn, hiện đại, hiệu quả, đồng thời đề ra mục tiêu cụ thể về giảm số lượng cấp phó, tinh giản biên chế, hợp nhất tổ chức có chức năng tương đồng, tiến tới xóa bỏ cấp trung gian không cần thiết giữa Trung ương và địa phương hoặc giữa tỉnh và huyện.

Như vậy, “kỷ nguyên vươn mình” không chỉ là khái niệm mang tính biểu tượng, mà là một giai đoạn có yêu cầu chuyển hóa toàn diện mô hình tổ chức bộ máy hành chính - chính trị, theo hướng năng động, trách nhiệm, linh hoạt và minh bạch. Đây chính là môi trường cần thiết để tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh được vận dụng một cách thực chất: gần bó với dân, đặt quyền lợi của dân làm mục tiêu điều hành, lấy sự hài lòng của nhân dân làm tiêu chí đánh giá hiệu quả công vụ.

Cùng với đó, tác động của chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và dân chủ hóa đời sống xã hội ngày càng mạnh mẽ đã mở rộng không gian tham gia của nhân dân vào hoạt động nhà nước. Các nền tảng công nghệ đang làm thay đổi quan hệ giữa chính quyền và công dân, chuyển từ mô hình hành chính “xin - cho” sang mô hình “tương tác - phục vụ”. Điều này không chỉ đòi hỏi thể chế mới, công nghệ mới, mà còn đòi hỏi tư duy “thân dân” mới: lắng nghe nhân dân qua dữ liệu, phản ứng kịp thời qua nền tảng số, minh bạch hóa mọi thông tin điều hành, và gắn trách nhiệm của cán bộ với niềm tin xã hội.

Trong bối cảnh đó, có thể khẳng định rằng: “kỷ nguyên vươn mình” của Việt Nam không thể tách rời khỏi quá trình tái thiết lại quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân trên cơ sở tư tưởng “thân dân”. Đây vừa là đòi hỏi tất yếu từ thực tiễn đổi mới, vừa là con đường duy nhất để tăng cường hiệu quả quản trị quốc gia, nâng cao tính chính danh của hệ thống chính trị và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời đại mới.

3.2. Giá trị vận dụng của tư tưởng “thân dân” trong giai đoạn phát triển mới

Trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ theo định hướng phát triển nhanh, bền vững, dựa vào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dân chủ hóa đời sống chính trị - xã hội, tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh không chỉ mang tính chất di sản tư tưởng, mà còn hàm chứa những chỉ dẫn có giá trị thực tiễn sâu sắc. Việc vận dụng tư tưởng này trong giai đoạn phát triển mới là yêu cầu cấp thiết nhằm tạo lập niềm tin xã hội, khơi dậy nguồn lực nhân dân và định hình một mô hình nhà nước thực sự vì dân, do dân và của dân.

Thứ nhất, tư tưởng “thân dân” là cơ sở tư tưởng cho việc xây dựng nhà nước phục vụ, nhà nước gần dân và lấy dân làm trung tâm. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước cách mạng là “công cụ để phục vụ nhân dân, làm lợi cho nhân dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 45), còn cán bộ là “người đầy tớ trung thành của nhân dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 47). Trong điều kiện hiện nay, khi mô hình “nhà nước kiến tạo - phát triển - phục vụ” đang được xác lập và từng bước thể chế hóa, thì tư tưởng “thân dân” trở thành nền tảng để định hình phương pháp tiếp cận và nguyên lý vận hành của toàn bộ hệ thống chính trị.

Thứ hai, tư tưởng “thân dân” giúp định hình cách tiếp cận dân chủ hiện đại, dân chủ thực chất trong quản trị quốc gia. Dân chủ, theo Hồ Chí Minh, không phải là hình thức, mà phải là nội dung thực tiễn trong mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ. Người nhấn mạnh: “Dân chủ là để làm sao cho dân được mở miệng ra, nói ý kiến của mình, làm chủ tập thể” (Bùi Đình Phong, 2015: 45). Vận dụng trong bối cảnh hiện nay, điều này có nghĩa là người dân không chỉ được quyền bầu cử, ứng cử, mà còn được tham gia vào quá trình hoạch định chính sách, giám sát thực thi và phản biện xã hội - thông qua các kênh truyền thống và nền tảng công nghệ số.

Thứ ba, tư tưởng “thân dân” là nền tảng đạo đức chính trị trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ công quyền có trách nhiệm, có bản lĩnh và vì dân. Trong mọi hoàn cảnh, Hồ Chí Minh đều yêu cầu cán bộ gần dân, hiểu dân, học dân, trọng dân và có trách nhiệm với dân. Trong điều kiện hiện nay, việc vận dụng tư tưởng này đòi hỏi phải xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ theo mức độ hài lòng của người dân; đồng thời phát huy vai trò giám sát của nhân dân trong việc phòng, chống tham nhũng, lạm quyền, quan liêu và xa dân.

Thứ tư, tư tưởng “thân dân” mở ra hướng đi mới trong phát triển chính quyền số và xã hội số - nơi người dân không chỉ là đối tượng phục vụ mà là chủ thể đồng kiến tạo chính sách. Trong mô hình chính quyền số hiện nay, việc tương tác giữa chính quyền và công dân ngày càng diễn ra qua các nền tảng điện tử, hệ thống phản ánh trực tuyến, cổng dịch vụ công, ứng dụng tra cứu và đánh giá dịch vụ. Việc vận dụng tư tưởng “thân dân” trong môi trường số sẽ tạo ra mô hình chính quyền thân thiện, minh bạch, hiệu quả - nơi nhân dân được lắng nghe, được phản hồi và được tôn trọng ở cấp độ sâu hơn, thiết thực hơn.

Thứ năm, tư tưởng “thân dân” là nguyên lý gắn kết hệ thống chính trị với xã hội, từ đó hình thành khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc - điều kiện tiên quyết để thực hiện các nhiệm vụ chính trị lớn, như chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Gốc có vững, cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” (Bùi Đình Phong, 2015: 45). Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, khi các thách thức phi truyền thống và tác động ngoại biên ngày càng lớn, thì tinh thần “thân dân” là yếu tố tạo nên bản lĩnh chính trị, khả năng tự chủ và nội lực vươn lên của quốc gia.

Như vậy, tư tưởng “thân dân” không chỉ là một giá trị văn hóa - chính trị mang tính truyền thống, mà còn là trụ cột lý luận và thực tiễn cho quá trình đổi mới mô hình quản trị, hiện đại hóa nhà nước, nâng cao chất lượng dân chủ và phát triển bền vững trong “kỷ nguyên vươn mình” của Việt Nam hiện nay.

3.3. Các hình thức vận dụng tư tưởng “thân dân” vào thực tiễn hiện nay

Việc vận dụng tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh vào thực tiễn hiện nay không thể dừng lại ở mức độ tuyên ngôn đạo đức hay khẩu hiệu chính trị, mà cần được cụ thể hóa bằng các hình thức tổ chức, phương pháp thực hiện và cơ chế chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình quản trị từ “quản lý” sang “phục vụ”, từ “mệnh lệnh - hành chính” sang “kiến tạo - tương tác”, việc thực hiện hóa tư tưởng “thân dân” cần được thể chế hóa và triển khai bằng các hình thức đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Một số hình thức tiêu biểu bao gồm:

Thứ nhất, thể chế hóa tư tưởng “thân dân” vào hệ thống luật pháp và chính sách công. Tinh thần “gần dân, vì dân, lắng nghe dân” phải được cụ thể hóa thành các quy định pháp lý bắt buộc, làm cơ sở cho hoạt động của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức. Các đạo luật như Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở (2022), Luật Tiếp công dân, Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Cán bộ, công chức... cần được bổ sung những quy định rõ ràng về nghĩa vụ lắng nghe, tiếp thu, phản hồi ý kiến của nhân dân; về trách nhiệm chính trị - pháp lý đối với hành vi xa dân, vô cảm, những nhiễu nhương nhân dân. Đây chính là bước đi quan trọng để tư tưởng “thân dân” trở thành “luật trị” chứ không dừng ở “đức trị”.

Thứ hai, đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý theo hướng gần dân, tương tác và đồng kiến tạo. Việc vận dụng tư tưởng “thân dân” đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải chuyển từ mô hình “chỉ đạo - điều hành từ trên xuống” sang mô hình “hợp tác - phục vụ - đối thoại với nhân dân”. Thực hiện điều này cần thông qua các cơ chế như: tham vấn công khai trước khi ban hành chính sách; tiếp nhận và phản hồi kiến nghị qua cổng dịch vụ công, mạng xã hội; tổ chức các diễn đàn “chính quyền - người dân”; thực hiện chấm điểm cán bộ qua mức độ hài lòng của công dân. Những cách làm như “Chính quyền thân thiện” ở Đồng Tháp, “Chính quyền kiến tạo” tại Đà Nẵng hay mô hình “Cà phê doanh nhân - chính quyền” ở nhiều tỉnh, thành phố đã cho thấy giá trị thực tiễn to lớn của việc vận dụng tư tưởng “thân dân” vào quản trị công hiện đại.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong thực hiện tư tưởng “thân dân”. Trong điều kiện của kỷ nguyên số, tư tưởng “thân dân” có thể và cần được số hóa, thông qua các nền tảng chính quyền điện tử, chính quyền số, hệ thống phản ánh hiện trường, mạng xã hội chính trị, app quản lý đô thị thông minh... Việc triển khai các cổng dịch vụ công trực tuyến không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân mà còn là hình thức thể hiện sự tôn trọng và phục vụ đúng nghĩa. Tinh thần “lắng nghe dân” trong thời đại mới không chỉ là gặp gỡ trực tiếp, mà còn là thu thập dữ liệu hành vi, đánh giá tự động mức độ hài lòng và phản ứng kịp thời trước các tình huống phát sinh.

Thứ tư, tăng cường hoạt động dân vận chính quyền, đổi mới phong cách cán bộ theo hướng gần dân, học dân, trọng dân. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, dân vận không chỉ là công tác của mặt trận, đoàn thể, mà phải là công việc thường xuyên của toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là chính quyền các cấp. Trong điều kiện hiện nay, dân vận không chỉ là “đi dân nhớ, ở dân thương” mà phải là “tạo điều kiện cho dân làm chủ, giám sát quyền lực, đồng hành cùng chính quyền trong phát triển địa phương”. Phong cách làm việc của cán bộ cần thay đổi theo hướng linh hoạt, hiệu quả, thân thiện và chuyên nghiệp. Cần kiên quyết loại bỏ biểu hiện “trên nóng - dưới lạnh”, “nói hay - làm dở”, lấy kết quả phục vụ nhân dân làm thước đo cho sự trưởng thành chính trị của cán bộ.

Thứ năm, phát triển các mô hình chính quyền “thân dân” gắn với truyền thông chính trị tích cực. Cùng với các giải pháp về cơ chế và công nghệ, việc truyền thông và lan tỏa hình ảnh của một nền hành chính thân thiện, gần gũi với nhân dân cũng là một hình thức vận dụng tư tưởng

“thân dân”. Việc xây dựng các chuyên trang, bản tin, video, mạng xã hội của cơ quan nhà nước không chỉ để tuyên truyền chính sách, mà còn để chia sẻ câu chuyện về cán bộ tốt, mô hình chính quyền hiệu quả, phản hồi tích cực của nhân dân. Hình ảnh người cán bộ “thân dân” cần được tôn vinh đúng mực để khơi dậy cảm hứng phụng sự trong thế hệ cán bộ trẻ.

Như vậy, các hình thức vận dụng tư tưởng “thân dân” vào thực tiễn hiện nay không tách rời quá trình cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây không chỉ là nhiệm vụ tư tưởng - chính trị, mà còn là yêu cầu về hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ, là điều kiện cốt lõi để tăng cường niềm tin của nhân dân và bảo đảm tính chính danh, tính bền vững của hệ thống chính trị trong thời kỳ phát triển mới.

3.4. Định hướng chính sách phát huy tư tưởng “thân dân” trong quản trị quốc gia

Đề tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng lý luận và phương pháp hành động trong công cuộc đổi mới mô hình quản trị quốc gia, cần thiết phải cụ thể hóa thành các định hướng chính sách rõ ràng, có tính hệ thống, liên ngành và lâu dài. Các định hướng này không chỉ nhằm tái khẳng định vị trí trung tâm của nhân dân trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước, mà còn để xây dựng một nền hành chính thực sự dân chủ, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

Thứ nhất, đưa tư tưởng “thân dân” trở thành nội dung bắt buộc trong giáo dục lý luận chính trị và đào tạo cán bộ. Đây là giải pháp mang tính nền tảng để hình thành nhận thức, thái độ và hành vi đúng đắn của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình thực thi công vụ. Tư tưởng “thân dân” cần được lồng ghép có hệ thống trong chương trình bồi dưỡng lý luận, đạo đức công vụ và kỹ năng quản trị nhà nước - từ trung ương đến địa phương. Không chỉ dừng ở lý thuyết, việc học tập phải đi đôi với thực hành thông qua các mô hình trải nghiệm dân vận, xử lý tình huống thực tế, đánh giá bằng phản hồi của nhân dân. Như Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Một giờ gần dân còn hơn cả ngày viết báo cáo” (Bùi Đình Phong, 2015: 46).

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế hành chính trên nền tảng tư tưởng “thân dân”. Pháp luật cần đóng vai trò là công cụ để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân và buộc cán bộ, cơ quan nhà nước phải lắng nghe, tiếp thu và phục vụ nhân dân đúng nghĩa. Các đạo luật về tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, dân chủ cơ sở, giám sát và phản biện xã hội... cần bổ sung những nội dung cụ thể liên quan đến trách nhiệm “thân dân” của cán bộ, thiết lập cơ chế chế tài đối với hành vi quan liêu, xa dân, gây phiền hà cho nhân dân. Từng bước hình thành “luật hóa đạo đức cách mạng”, biến chuẩn mực chính trị thành quy phạm bắt buộc để điều chỉnh hành vi công vụ.

Thứ ba, nâng cao năng lực giám sát của nhân dân, mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ tham gia. Trong quản trị hiện đại, không thể phát huy sức mạnh nhân dân nếu không tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia và kiểm soát quyền lực. Cần mở rộng các kênh tham vấn công khai, ứng dụng nền tảng số để người dân góp ý dự thảo luật, quy hoạch, ngân sách; tăng quyền giám sát của nhân dân thông qua ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng, mạng xã hội chính trị và cơ chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trực tuyến. Tư tưởng “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” (Bùi Đình Phong, 2015: 46) cần được thể chế hóa sâu hơn nữa trong từng hoạt động điều hành của chính quyền các cấp.

Thứ tư, xây dựng tiêu chí đánh giá cán bộ theo mức độ gần bó và phục vụ nhân dân. Trong điều kiện hiện nay, việc đánh giá cán bộ không thể chỉ dựa vào chỉ tiêu chuyên môn mà cần đặt yếu tố “thân dân” như một chỉ số bắt buộc. Cần triển khai thí điểm các hình thức khảo sát mức độ hài lòng của người dân, đánh giá cán bộ qua phản hồi trực tuyến, kết hợp với kết quả thực thi công vụ để bảo đảm khách quan. Những mô hình như “chấm điểm cán bộ qua

điện thoại thông minh”, “bảng khảo sát điện tử tại bộ phận một cửa” cần được mở rộng trên quy mô toàn quốc, góp phần tạo áp lực tích cực trong cải cách hành chính.

Thứ năm, phát triển hệ sinh thái truyền thông chính trị lấy người dân làm trung tâm, lan tỏa các giá trị “thân dân”. Truyền thông không chỉ làm nhiệm vụ phổ biến chính sách, mà còn có vai trò xây dựng hình ảnh người cán bộ thân thiện, gần gũi, tận tâm vì dân; đồng thời cổ vũ các mô hình chính quyền thân dân, dân vận chính quyền hiệu quả. Cần có các chương trình truyền hình, chuyên mục trên báo chí, nền tảng số để kể chuyện thật về “người cán bộ thân dân”, từ đó lan tỏa cảm hứng phụng sự, củng cố niềm tin vào đội ngũ lãnh đạo, quản lý trong toàn xã hội.

Các định hướng chính sách nêu trên, nếu được thực hiện một cách đồng bộ và kiên trì, sẽ góp phần hiện thực hóa tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự vì dân - do dân - gần dân - và vì hạnh phúc của nhân dân.

4. Kết luận

Tư tưởng “thân dân” của Hồ Chí Minh là một di sản tư tưởng - chính trị mang tính nền tảng và chỉ đạo lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Không chỉ thể hiện chiều sâu nhân văn, tư tưởng này còn hàm chứa những nguyên lý tổ chức quyền lực, phương pháp lãnh đạo và tiêu chuẩn đạo đức công vụ mang tính cách mạng. Trong bối cảnh “kỷ nguyên vươn mình”, với những yêu cầu mới về cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình quản trị quốc gia, phát triển chính quyền số và nâng cao hiệu lực dân chủ, việc vận dụng tư tưởng “thân dân” trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Bài viết đã bước đầu phân tích nội hàm và giá trị lý luận của tư tưởng “thân dân”, đồng thời làm rõ khả năng vận dụng trong xây dựng nhà nước phục vụ, phát huy vai trò chủ thể và sáng tạo của nhân dân. Để tư tưởng này thực sự đi vào đời sống, cần tiếp tục thể chế hóa thành luật pháp, chính sách, chuẩn mực hành chính và đạo đức công vụ; từ đó, góp phần tạo lập một nền quản trị dân chủ thực chất, vì sự phát triển bền vững, lấy nhân dân làm trung tâm và làm chủ.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2017). *Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*.

Bùi Đình Phong. (2015). *Hồ Chí Minh lấy dân làm gốc*. Nxb. Dân trí.

Đỗ Thị Hồng Thu. (2008). *Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đến tư tưởng lấy dân làm gốc của Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Geetesh Sharman. (2010). *Đáng cứu tinh của hòa bình, độc lập và hạnh phúc. Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị - Hành chính.

Hồ Chí Minh Toàn tập. (2011). t.12, 15. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Phan Mạnh Toàn. (2019). Từ “Dân bản” của Nho giáo đến “Dân chủ” trong tư tưởng Hồ Chí Minh. *Tạp chí Lý luận chính trị*. Số 12.

Tô Lâm. (2017). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an ninh*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2024a). *Kết luận số 126-KL/TW ngày 28/02/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW*. Văn phòng Trung ương Đảng.

Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2024b). *Kết luận số 127-KL/TW ngày 29/03/2024 về tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã*. Văn phòng Trung ương Đảng.